

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/2021/DSST

Ngày: 30-12-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
thuộc trường hợp khoán nhân công lao động*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thái

Ông Võ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc trường hợp khoán nhân công lao động*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2021/QĐST-DS ngày 03/12/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị U, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lưu Ký T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị U trình bày:

Ông Lưu Ký T có trúng thầu thi công lộ tuyến Kinh hai (thuộc chợ Chuột, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang). Ngày 16 tháng 6 năm 2020, ông T đến gặp bà Trương Thị U thỏa thuận giao khoán lại cho bà U thuê nhân công làm tuyến lộ cho ông T, vật tư làm lộ do ông T cung cấp, bà U có trách nhiệm tự thuê nhân công để hoàn thành tuyến lộ (các bên hợp đồng bằng lời nói). Theo nội dung thỏa thuận giữa hai bên thì bà U được trả tiền công là 48.000.000 đồng/1000 mét (1.022 mét x 48.000.000 đồng = 56.200.000 đồng). Khi thực hiện hợp đồng, thì ông T thỏa thuận khi bà U thi công 03 ngày ông T sẽ cho ứng chi phí 01 lần. Sau đó, ông T đã tạm ứng cho bà U nhiều lần được tổng số tiền 42.000.000 đồng. Còn lại số tiền 14.200.000 đồng ông T hứa sau khi công trình xong đưa vào sử dụng ông sẽ thanh toán đủ cho bà U. Đến khi bà U thi công xong công trình và đã bàn giao đưa vào sử dụng ông T không thanh toán số tiền còn lại 14.200.000 đồng cho bà U theo thỏa thuận.

Bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Ký T phải trả số tiền công lao động còn nợ là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu ông T tính lãi suất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lưu Ký T trình bày:

Ông T xác định còn nợ bà Trương Thị U số tiền công lao động là 14.200.000 đồng như bà U trình bày. Nay bà U khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền trên thì ông T đồng ý nhưng xin trả thành 02 đợt, trả trong thời hạn 02 tháng, mỗi tháng trả 7.100.000 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông T thừa nhận có nợ bà U số tiền như bà U trình bày. Việc xin trả dần của ông T không được bà U chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn bà Trương Thị U, buộc ông Lưu Ký T phải trả cho bà U số tiền 14.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Thị U yêu cầu bị đơn ông Lưu Ký T thanh toán số tiền nợ thuê khoán nhân công làm đường lộ là 14.200.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà U với ông T là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc trường hợp khoán nhân công lao động*” theo quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà U và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt bà U, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã thừa nhận có nợ bà U số tiền công làm đường của là 14.200.000 đồng như bà U trình bày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự quy định về việc trả tiền dịch vụ thì “*Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận*”. Do đó, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền 14.200.000 đồng cho bà U theo quy định.

[3] Ông T yêu cầu xin trả dần số tiền nêu trên thành 02 đợt, trong thời hạn 02 tháng, mỗi tháng trả 7.100.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa, bà U, ông T vắng mặt nên không thể thương lượng được về cách trả nợ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà U không đồng ý cho ông T trả nợ thành 02 đợt. Việc yêu cầu trả dần của ông T không được bà U chấp nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền của HĐXX nên HĐXX không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà U là có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bà U được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 14.200.000 đồng là $14.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 710.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 513, Điều 519 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị U về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc trường hợp khoán nhân công lao động*” đối với bị đơn ông Lưu Ký T.

Buộc ông Lưu Ký T trả cho bà Trương Thị U số tiền công làm đường còn nợ là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Trương Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số

0005662 ngày 12/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Lưu Ký T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 710.000 đồng (Bảy trăm mười nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Bà U, ông T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân

